



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 48, Phố Yết Kiêu, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898



Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 00565/2026/PKQ/26.116)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH HANA MICRON VINA		
Địa chỉ:	Một phần Lô CNSG-02, KCN Vân Trung, Phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa chỉ lấy mẫu:	Một phần Lô CNSG-02, KCN Vân Trung, Phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Vị trí quan trắc:	KT-001: Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ trạm thao tác tại công đoạn kiểm tra thành phẩm (nguồn số 01)		
Tọa độ:	X=2350150, Y=411566		
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu:	260307.KT-001
Ngày lấy mẫu:	07/03/2026		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 07/03/2026 đến ngày 30/03/2026		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT-001	Giới hạn (Nồng độ Cmax)
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	477,4	-
2	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<0,188(#)	850
3	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	US EPA Method 8	mg/Nm ³	KPH(MDL=1)	50

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ Cmax = C x Kp x Kv (trong đó Kp= 1,0 và Kv=1,0);
- KPH: Không phát hiện; (MDL (LOD): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Số phiếu: 00566/2026/PKQ/26.116)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH HANA MICRON VINA		
Địa chỉ:	Một phần Lô CNSG-02, KCN Vân Trung, Phường Nèn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Địa chỉ lấy mẫu:	Một phần Lô CNSG-02, KCN Vân Trung, Phường Nèn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
Vị trí quan trắc:	KT-002: - Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ các thiết bị hàn tụ vào PCB (các nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và nguồn số 07)		
Tọa độ:	X=2350266, Y=411471		
Loại mẫu:	Khí thải	Mã hóa mẫu:	260307.KT-002
Ngày lấy mẫu:	07/03/2026		
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 07/03/2026 đến ngày 30/03/2026		

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT-002	Giới hạn (Nồng độ C _{max})
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	9.952,5	-
2	Carbon oxit, CO	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<1,14(#)	1.000
3	Đồng và hợp chất, tính theo Cu ^(*)	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH(MDL=0,01)	10
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<2,62(#)	500
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	SOP/VEC/QT/KT.01	mg/Nm ³	<0,188(#)	850

Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Với nồng độ C_{max} = C x K_p x K_v (trong đó K_p = 1,0 và K_v = 1,0);
- KPH: Không phát hiện; (MDL (LOD): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- Dấu (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);
- <(#): Kết quả đo thấp hơn Giới hạn phát hiện (IDL) của thiết bị đo;
- Dấu (-): là không quy định;
- Dấu (*) chỉ tiêu được thực hiện bởi: Công ty Cổ Phần Môi Trường Đại Nam (VIMCERTS 288) có kết quả kèm theo.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông A Huân



Bắc Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng